

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2026

V/v tranh chấp hôn nhân

và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Văn Dương

Bà Nguyễn Thị Thu Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Võ Trọng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2026/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lô Thị N, sinh năm 2002, CCCD: 0403020006127 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Bản X, xã Y, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2001, CCCD: 040201008108 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Làng B, xã T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2026 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Lô Thị N trình bày:

- Về tình cảm: Chị Lô Thị N và anh Nguyễn Văn T tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2022. Chị N và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) vào ngày **31 tháng 8 năm 2022** trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau thậm tệ, lâu dần vợ chồng không còn chia sẻ thấu hiểu nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng hơn nên vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2025. Nay tình cảm vợ chồng đã cạn kiệt, chị N có nguyện vọng được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị Lô Thị N và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lô Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 3 năm 2026 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Tình cảm: Anh Nguyễn Văn T và chị Lô Thị N tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2022. Anh T và chị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã Y, tỉnh Nghệ An) vào ngày **31 tháng 8 năm 2022** trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, do khoảng cách địa lý xa xôi và công việc bận rộn nên vợ chồng cũng ít khi nói chuyện, quan tâm, chăm sóc nhau nên lâu dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Sau khi anh T kết thúc thời hạn hợp đồng thì anh T trở về Việt Nam, mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng hơn nên vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2025. Nay tình cảm vợ chồng đã cạn kiệt, anh T có nguyện vọng được ly hôn với chị N để ổn định cuộc sống và công việc.

- Con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lô Thị N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Lô Thị N cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị Lô

Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Con chung: Chị Lô Thị N và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lô Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Nguyễn Văn T đăng ký thường trú tại làng B, xã T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Lô Thị N và bị đơn anh Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An. Bị đơn, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn với nhau vào năm 2022 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 34 ngày 31 tháng 8 năm 2022 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị N và anh T tính cách, quan điểm sống, phong tục tập quán quá khác nhau, mặc dù vợ chồng không cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ nhưng cuộc sống vợ chồng ngọt ngát, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt và đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2025, chị N cũng thừa nhận, anh không còn tình cảm với anh T và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân không đạt được mục đích, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Chị N khởi kiện ly hôn thì anh T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lô Thị N và anh Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao.

[3.2] Con chung: Chị N và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Lô Thị N, anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Nguyên đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lô Thị N và anh Nguyễn Văn T.
2. Con chung: Chị Lô Thị N và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Lô Thị N.
5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 11-Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 11, Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Quang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Ái